MẠNG LƯỚI XÃ HỘI TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ HỘ GIA ĐÌNH NÔNG THÔN HIỆN NAY: PHÁC THẢO TỪ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU ĐỊNH TÍNH TẠI HAI XÃ ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG

NGUYỄN ĐỨC CHIỆN*

1. Đặt vấn đề

Đồng bằng sông Hồng là vùng đất có lịch sử lâu đời so với nhiều khu vực khác của Việt Nam. Diễn trình phát triển của cộng đồng nông thôn nơi đây luôn gắn với sự ra đời và phát triển của các loại hình tổ chức xã hội truyền thống như gia đình, dòng họ, phường hội và xóm làng. Có thể nói, các tổ chức xã hội này đã đóng một vai trò rất quan trọng đối với cuộc sống gia đình, tạo nên bản sắc riêng của mỗi cộng đồng nông thôn ở đồng bằng sông Hồng.

Sự tồn tại các loại hình tổ chức và mạng lưới xã hội ở nông thôn như gia đình, dòng họ, phường hội và xóm làng cũng đã được bàn thảo trong giới nghiên cứu lịch sử, văn hóa và dân tộc học nhiều thập kỷ qua (Đào Duy Anh, 1938; Trần Từ, 1984; Phan Đại Doãn, 2004, v.v). Các tác giả này đã có đóng góp lớn trong việc mô tả những tương tác mạng lưới thể hiện trên phương diện đời sống tình cảm, tinh thần mà ít chú ý đến các liên kết trao đổi trong hoạt động kinh tế của các tổ chức, nhóm xã hội trong cộng đồng nông thôn Việt Nam truyền thống.

Nghiên cứu xã hội học thực nghiệm gần đây có nhiều nỗ lực trong việc đề cập trực tiếp đến vấn đề mạng lưới xã hội ở nông thôn. Có thể kể đến các công trình nghiên cứu (Mai Văn Hai và cộng sự, 2001; Nguyễn Quý Thanh, 2005; Bế Quỳnh Nga và cộng sự, 2008; Đặng Thị Việt Phương, 2014). Điều lý thú là các nghiên cứu này quan tâm đến quan hệ mang tính tình cảm và tương trợ sản xuất trong cộng đồng. Tuy nhiên, các nghiên cứu chưa khai thác sâu liên kết mạng lưới xã hội trong phát triển kinh tế của hộ gia đình ở cộng đồng nông thôn. Câu hỏi nghiên cứu đặt ra là: Loại hình mạng lưới xã hội nào đang tồn tại ở nông thôn đồng bằng sông Hồng? Các liên kết mạng lưới xã hội ảnh hưởng thế nào đối với phát triển kinh tế của các nhóm hộ gia đình trong bối cảnh Việt Nam đang chuyển đổi và ngày càng hội nhập sâu rộng ra thế giới bên ngoài?

Dựa vào nguồn dữ liệu nghiên cứu định tính trong đề tài "Ảnh hưởng của mạng lưới xã hội đối với phát triển kinh tế hộ gia đình ở nông thôn hiện nay: Qua khảo sát hai xã ở đồng bằng sông Hồng"[1], bài viết này nhận diện loại hình mạng lưới xã hội đang tồn tại

* TS, Viện Xã hội học.

[1] Đề tài cấp Bộ do Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam chủ trì trong hai năm 2015-2016, trong đó có cuộc khảo sát định tính 40 hộ gia đình tại hai xã Liên Bão và Ninh Hiệp do tác giả và nhóm nghiên cứu thực hiện trong tháng 7 năm 2015.

trong cộng đồng hai xã Liên Bão, Ninh Hiệp và làm rõ các liên kết mạng lưới xã hội trong phát triển kinh tế của ba nhóm hộ gia đình: (1) hộ thiên về nông nghiệp, (2) hộ chế biến, tiểu thủ công nghiệp và (3) hộ thiên về kinh doanh - dịch vụ. Từ đó, bài viết đưa ra một số bàn luận về liên kết mạng lưới trong phát triển kinh tế hộ gia đình nông thôn đồng bằng sông Hồng trong bối cảnh hiện nay.

2. Khái niệm và vai trò "mạng lưới xã hội"

Thuật ngữ "mạng lưới xã hội" (social network) bắt đầu được ra đời vào thập niên 1940 của thế kỷ trước, sau khi Jacob Moreno đề xuất đưa mô hình lý thuyết đồ thị trong toán học vào để phân tích các quan hệ xã hội của một nhóm người (Feedman, 2004). Theo tác giả Marshall (2010), mạng lưới xã hội nói đến các cá nhân - những người liên hệ với nhau bởi một hay nhiều mối quan hệ, từ đó hình thành nên một mạng lưới xã hội. Bourdieu (1986) khẳng định mạng lưới xã hội bao gồm các mối liên hệ quen biết nhau và nhận ra nhau, những mối liên hệ này ít nhiều đã được định chế hóa. Mạng lưới xã hội của một cá nhân cụ thể nào đó phụ thuộc vào mức độ liên hệ rộng hay hẹp mà anh ta có thể huy động được trong thực tế.

Về vai trò của mạng lưới xã hội trong đời sống xã hội, nhiều học giả khẳng định mạng lưới xã hội không chỉ phản ánh mối quan hệ tương trợ đối với đời sống tình cảm, tinh thần mà nó còn đóng vai trò rất quan trọng trong các liên kết phát triển kinh tế (Granovetter, 1983). Các liên kết mạng lưới xã hội có ảnh hưởng tích cực và tiêu cực trong phát triển kể cả ở cấp độ vĩ mô và vi mô (Coleman, 1988; Putnam, 1995). Woolcock và Narayan (2000) nhấn mạnh các quan hệ mạng lưới xã hội cung cấp các cơ hội để huy động các nguồn lực thúc đẩy tăng trưởng, bản chất và phạm vi của các tương tác giữa các cộng đồng và các thể chế nắm giữ chìa khóa để hiểu được triển vọng đối với sự phát triển trong một xã hội. Nghiên cứu cũng cho thấy sức mạnh của các liên kết trong mạng lưới xã hội trong việc tạo công ăn việc làm, giảm thất nghiệp, tạo vị thế nghề nghiệp (Lin, Ensel và Vaughn, 1981; Granovetter, 1983).

2.1. Loại hình mạng lưới xã hội ở Ninh Hiệp và Liên Bão

Vài nét về hai địa phương

Liên Bão nằm ở phía Nam của huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, cách thành phố Bắc Ninh khoảng 7 km. Đây là một xã có hướng phát triển kinh tế hỗn hợp, kết hợp nhiều ngành nghề (nông nghiệp, chế biến, tiểu thủ công, kinh doanh, dịch vụ, v.v...). Theo thống kê của lãnh đạo xã Liên Bão, trong tổng số trên 3.200 hộ, số hộ thiên về nông nghiệp chiếm trên 30%, hộ chế biến, tiểu thủ công chiếm dưới 20%, còn lại gần 50% hộ thiên về kinh doanh - dịch vụ. Liên Bão cũng là xã đạt được nhiều thành tích ấn tượng và là địa phương đi đầu trong phát triển văn hóa, xã hội của huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh.

Ninh Hiệp nằm ở phía Bắc của huyện Gia Lâm, cách trung tâm Hà Nội khoảng 15 km. Xã có vị trí địa lý quan trọng, là cửa ngõ phía Bắc của thủ đô dẫn đi các tỉnh phía Đông - Bắc. Ninh Hiệp là xã có cơ cấu ngành nghề phi nông nghiệp phát triển mạnh: chế biến lâm sản, dược liệu làm thuốc Bắc, kinh doanh vải, may quần áo. Theo thống kê của cán bộ xã Ninh Hiệp, tổng số trên 5 nghìn hộ, hộ thiên về kinh doanh - dịch vụ chiếm trên

70%, hộ thiên về chế biến, tiểu thủ công chiếm hơn 20%, hộ thiên về nông nghiệp chỉ còn dưới 5%. Ninh Hiệp là xã không chỉ đi đầu về phát triển kinh tế mà còn được xem là địa phương có nhiều thành tích trong phát triển văn hóa, xã hội của huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.

Hai xã này đại diện cho mức độ phát triển khác nhau của các làng xã ở đồng bằng sông Hồng. Trong khi Liên Bão được xem là điểm nghiên cứu đại diện cho làng xã còn đậm màu sắc phát triển nông nghiệp, kết hợp với kinh doanh, buôn bán nhỏ, thì Ninh Hiệp là xã điển hình về phát triển tiểu thủ công, chế biến và kinh doanh. Mạng lưới xã hội và các mối liên kết trong sản xuất nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, chế biến và kinh doanh ở hai xã rất phát triển, đáp ứng mục tiêu nghiên cứu này quan tâm

2.2. Mạng lưới gia đình, dòng họ, phường hội và xóm làng

Liên Bão và Ninh Hiệp là hai cộng đồng nông thôn ven đô chịu tác động mạnh của đô thị hóa và công nghiệp hóa, nhưng gia đình ở đây vẫn mang dáng vẻ truyền thống. Mặc dù mẫu hình gia đình hạt nhân ở đây chiếm đa số nhưng anh chị em ruột của các gia đình hầu như sống cùng làng hoặc cùng xã. Số gia đình mở rộng gồm 3 thế hệ, thậm chí có gia đình 4 thế hệ cùng chung sống chiếm tỷ lệ đáng kể. Thực tế này tạo nên một mạng lưới xã hội gia đình bao phủ mọi quan hệ của cá nhân và điều này tất yếu ảnh hưởng đến phát triển kinh tế hộ gia đình.

Về mạng lưới dòng họ, Liên Bão và Ninh Hiệp là cộng đồng có lịch sử lâu đời ở vùng Kinh Bắc. Trải qua nhiều thế kỷ, mạng lưới các dòng họ ở Liên Bão và Ninh Hiệp không chỉ mở rộng về quy mô mà còn thu hút nhiều dòng họ mới đến định cư. Kết quả phỏng vấn cán bộ xã cho thấy Liên Bão có 7 dòng họ lớn và hơn 20 dòng họ nhỏ đang cư trú trên địa bàn xã. Ninh Hiệp có 69 dòng họ lớn nhỏ, trong đó 9 dòng họ có số lượng và quy mô tương đối lớn và cũng là chính gốc ở xã.

Như vậy, mạng lưới gia đình và dòng họ ở Liên Bão và Ninh Hiệp có lịch sử hình thành rất lâu đời và mang nhiều đặc trưng truyền thống. Các liên kết giữa các thành viên trong gia đình và dòng họ về mặt tình cảm, tinh thần trong cuộc sống thường ngày là khá chặt chẽ. Ảnh hưởng mạng lưới gia đình và dòng họ như thế nào trong phát triển kinh tế của các nhóm hộ gia đình, các dẫn chứng ở phần sau sẽ cho thấy rõ vấn đề này.

2.3. Phường, hội (nhóm tự nguyện) trong xóm làng

Đây là loại hình tổ chức xã hội phi chính thức trong cộng đồng do người dân tự lập. Giống như nhiều địa phương khác ở vùng nông thôn đồng bằng sông Hồng, những năm gần đây Liên Bão và Ninh Hiệp đang khôi phục phát triển đa dạng các nhóm/hội tự nguyện như là một nhu cầu tất yếu của cuộc sống nông thôn trong bối cảnh chuyển đổi.

Số liệu Bảng 1 cho thấy có sự chênh lệch lớn về số lượng các hội ở hai xã. Trong khi Liên Bão chỉ có 36 hội tự nguyện, thì Ninh hiệp có đến 47 hội và sự khác biệt chủ yếu là ở nhóm thể thao, giải trí. Có nhiều lý do dẫn đến khác biệt này. Ninh Hiệp đông dân cư, ngành nghề và quan hệ buôn bán kinh doanh phong phú, mức sống và nhu cầu đa dạng hơn Liên Bão. Hai xã có nhiều nhóm hội tự nguyện giống nhau như: hội đồng niên, đồng

môn, đồng ngũ, và các nhóm sở thích như: câu lạc bộ cầu lông, sinh vật cảnh, bóng chuyền, quan họ, thơ ca, dưỡng sinh, tập thể dục, bóng đá, cờ tướng... Tuy nhiên, hai địa phương cũng có hội tự nguyện khác nhau như hội thợ nề, galito, hội nuôi lợn, gà, làm trang trại ở Liên Bão; các hội nghề (vải, chợ, thuốc bắc), câu lạc bộ Hán Nôm, mô tô, xe đạp, cổ vật, v.v.. ở Ninh Hiệp. Điều đáng lưu ý là các hội tự nguyện này được hình thành từ khá lâu, dựa trên nhu cầu của các cá nhân và nhóm ở hai cộng đồng. Vì thế mức độ tham gia, quy mô và tính chất hoạt động của mỗi hội rất khác nhau.

Ở hai địa phương, một số nhóm/hội có thể có đến 30 hoặc 50 thành viên như hội phật tử, đồng niên, đồng môn, tổ liên gia. Do có nhiều nhóm hội trong cộng đồng nên một cá nhân có thể là thành viên của nhiều mạng lưới. Có người (phỏng vấn nam giới 57 tuổi, hộ kinh doanh vải ở Ninh Hiệp) tham gia hơn mười hội khá nhau. Mục đích tham gia các hội này ngoài mang tính giải trí, chia sẻ tình cảm thì các tương trợ vốn sản xuất, trao đổi công việc cũng khá quan trọng, vì thế họ gắn kết và sinh hoạt thường xuyên.

Bảng 1. Các nhóm/hội tự nguyện ở hai xã

Thể loại	Nhóm/Hội/CLB	Liên Bão	Ninh Hiệp
Nghề nghiệp, kinh doanh	Bất động sản, Nhóm chợ Đồng Xuân, Nhóm chợ Trung Quốc, Nhóm chợ làng, Nhóm có máy cày, Nhóm dịch vụ vận chuyển, Nhóm liên kết nuôi cá, Nhóm nghề thuốc Bắc, Nhóm sản xuất nông nghiệp, Nhóm thợ mộc, Nhóm thợ nề, Nhóm Xây dựng, Phường đi chợ, Quan viên.	7	10
Hưu trí, cựu nghề nghiệp	Cựu giáo chức, Cựu quân nhân, Đồng môn, Đồng ngũ, Hưu trí, Linh Trường Sơn, Thanh niên xung phong.	7	7
Thể thao, giải trí	Bóng chuyền da, Bóng chuyền hơi, Bóng đá, Bóng bàn, Cầu lông, Quần vợt, Chơi chim, Chọi gà, Cờ tướng, Cổ vật, Dưỡng sinh, Hán Nôm, Mô tô, Nhiếp ảnh, Quan họ, Sinh vật cảnh, Thơ, Tổ tôm điếm, Vật cổ truyền, Xe đạp, Tập thể dục (đi bộ)	13	21
Tôn giáo	Dâng hương, Khánh tiết, Phật tử, Phường Bát âm, Phường Kèn, Phường Tiền, Phường Vàng.	4	3
Khác	Đồng niên, Khuyến học, Gia đình hạnh phúc, Tổ hòa giải, Tổ liên gia, Dâu thiên hạ	5	3
Tổng số		36	47

2.4. Mạng lưới chính quyền, đoàn thể và doanh nghiệp

Bàn về loại hình mạng lưới xã hội ở cộng đồng nông thôn cần phải nhắc đến các tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể, doanh nghiệp và công ty trách nhiệm hữu hạn đang

hoạt động tại địa phương. Đây là các tổ chức mạng lưới xã hội chính thức hoạt động dựa trên quy định pháp luật của Nhà nước.

Ở Liên Bão và Ninh Hiệp đều có 11 tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể (bao gồm: Chi bộ Đảng, Chính quyền, Mặt trận tổ quốc, Đoàn Thanh niên, Hợp tác xã, và các hội Phụ nữ, Cựu chiến binh, Nông dân, Chữ thập đỏ, Khuyến học, Người cao tuổi). Các tổ chức này được hình thành từ rất lâu và ít thay đổi, thành viên tham gia các tổ chức này dựa trên quy định của chính quyền. Tuy nhiên, kết quả phỏng vấn cán bộ hai xã cho thấy hiệu quả hoạt động của cá nhân vào các tổ chức này rất yếu, nhất là Đoàn Thanh niên và Hội Phụ nữ. Ở Ninh Hiệp chỉ thu hút được 1/3 tổng số thanh niên địa phương tham gia sinh hoạt, sự tham gia của cá nhân trong cộng đồng vào Hội Phụ nữ cũng ở tình trạng tương tự. Đối với Liên Bão, các đoàn thể chính trị xã hội thu hút đông thành viên và hoạt động thường xuyên hơn. So với các nhóm/hội tự nguyện, quy mô của các tổ chức, đoàn thể chính quyền lớn hơn nhưng sự tham gia và tính gắn kết giữa các thành viên trong tổ chức này rất lỏng lẻo.

Mạng lưới công ty, doanh nghiệp ở hai xã đều bắt đầu được thành lập trong thời kỳ Đổi mới, nhưng loại hình và quy mô tổ chức của các doanh nghiệp ở hai địa phương rất khác nhau. Ninh Hiệp có 82 công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, các doanh nghiệp phát triển dựa trên nghề truyền thống ở địa phương như công ty chuyên kinh doanh vải, may mặc, chế biến thuốc Bắc. Liên Bão có số lượng ít hơn với 15 công ty trách nhiệm hữu hạn phát triển ngành nghề điện tử, điện lạnh, chế biến gỗ, xây dựng và dịch vụ vận tải.

Như vậy, các dẫn chứng trên cho thấy sự tồn tại của các loại hình mạng lưới xã hội phi chính thức và chính thức ở hai xã thuộc đồng bằng sông Hồng hiện nay. Điều đáng quan tâm là số lượng, quy mô, sắc thái và tính chất hoạt động của loại hình mạng lưới xã hội ở hai xã không giống nhau, do đặc thù riêng của mỗi địa phương. Những đặc điểm này tất yếu ảnh hưởng đến liên kết mạng lưới trong phát triển kinh tế hộ gia đình.

3. Liên kết phát triển kinh tế của các nhóm hộ gia đình ở hai xã

3.1. Các liên kết trong phát triển hộ sản xuất nông nghiệp

Ở phần đầu bài viết cho thấy khác biệt rõ rệt về hướng phát triển kinh tế ở hai xã. Trong khi sản xuất nông nghiệp ở Ninh Hiệp giữ vai trò thứ yếu thì hoạt động này ở Liên Bão giữ vai trò khá quan trọng với lĩnh vực trồng lúa, hoa màu, chăn nuôi lợn gà vịt và nuôi trồng thủy sản, nhất là hộ trang trại. Tuy nhiên, cũng như nhiều địa phương khác ở đồng bằng sông Hồng, tỷ lệ hộ sản xuất nông nghiệp ở hai địa phương đang giảm dần và xu hướng chuyển sang hình thức dịch vụ, chuyên môn hóa, mỗi khâu sản xuất có mạng lưới riêng biệt. Để tìm hiểu được các hình thức hợp tác trong phát triển kinh tế hộ sản xuất nông nghiệp, chúng tôi đưa ra câu hỏi: *Trong các khâu sản xuất nông nghiệp (...) hộ gia đình ông/bà thường liên kết với ai?* Thông tin phỏng vấn sâu các hộ gia đình dưới đây sẽ cho thấy rõ các liên kết trong sản xuất nông nghiệp của hộ gia đình hai xã.

Hộp 1. Liên kết sản xuất nông nghiệp ở Liên Bão và Ninh Hiệp

"Làm ruộng bây giờ phải liên kết nhiều. Như khâu giống, phân bón, thủy lợi thì gia đình tôi phải nhờ vào HTX, còn khâu máy cày bừa tôi thuê người trong làng, khâu cấy nhiều vụ bận cũng phải thuê thợ cấy ngoài làng. Còn việc phun thuốc trừ sâu nay cũng không phải tự mình đi phun nữa, mình chỉ cần đóng tiền vào đấy rồi thôn sẽ chịu trách nhiệm thuê người phun thuốc cả cánh đồng".

(Nữ chủ hộ, 49 tuổi, làm ruộng, Liên Bão)

"Bà con ở đây khi vào mùa vụ đều làm theo sự chỉ đạo của hợp tác xã, chính quyền thôn. Khi nào có lịch gieo mạ, lấy nước, cấy bừa, cấy lúa, bón phân hay phun thuốc sâu, đội trưởng sản xuất thông báo đến tất cả bà con chứ không phải ai muốn làm thế nào thì làm".

(Nam chủ hộ, 58 tuổi, làm ruộng, Liên Bão)

"Ở đây làm ruộng nhàn lắm, máy cày, máy tuốt lúa có đủ. Dù gì để anh em nhà mình làm cô vẫn thấy an tâm hơn, với lại tạo việc để cho nó kiếm ít tiền còn hơn là gọi người ngoài".

(Nữ chủ hộ, 50 tuổi, làm ruộng, Liên Bão)

"Những hộ gia đình làm trang trại ở đây đều quen biết nhau hết, mọi người thỉnh thoảng cũng có gặp gỡ và trao đổi kinh nghiệm với nhau, mách tai nhau những chỗ lấy giống, thức ăn tốt, rẻ hoặc là giới thiệu mối để bán sản phẩm với giá phù hợp, không bị chèn ép về giá cả. Cũng có việc khi có dịch bệnh gà vịt mình phải dựa vào chính quyền thôn hay ban thú y của xã".

(Nữ chủ hộ, 49 tuổi, làm ruộng, Liên Bão)

"Giống lúa, phân bón các cô đều lấy trên HTX dịch vụ, năm nào cũng lấy nên giờ cũng chẳng đi mua ngoài nữa. Còn khâu cày cấy gặt mướn người thiên hạ, mình chỉ việc mang thóc về nhà".

(Nữ chủ hộ, 54 tuổi, làm ruộng, Ninh Hiệp)

Nhìn chung, thông tin phỏng vấn cho thấy mạng lưới xã hội chính thức (Chính quyền, Hội Nông dân, Hợp tác xã và Ban thú y) đóng vai trò quan trọng trong hoạt động sản xuất nông nghiệp ở hai xã. Hộ gia đình làm nông nghiệp ở hai địa phương đều liên kết với hợp tác xã trong khâu chọn giống lúa, dịch vụ phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, thủy lợi nội đồng và bảo vệ mùa màng. Thông qua ban thú y của xã, chính quyền thể hiện sự quan tâm tới các hộ gia đình chăn nuôi, hộ làm trang trại bằng cách cử cộng tác viên thú y đến từng hộ tiêm phòng vắc-xin, kiểm tra phòng ngừa dịch bệnh. Ngoài ra, chính quyền còn tổ chức các buổi thị sát mô hình trang trại điển hình ở các địa phương khác nhằm giúp hộ gia đình nâng cao kiến thức về phát triển kinh tế theo mô hình này.

Các phỏng vấn sâu chủ hộ gia đình cũng cho thấy mức độ ảnh hưởng của loại hình mạng lưới xã hội chính thức và phi chính thức đến hoạt động sản xuất của hộ nông nghiệp ở hai xã là khác nhau. Ở Liên Bão, các liên kết gia đình, dòng họ, xóm làng và mạng lưới chính quyền, hợp tác xã đóng vai trò quan trọng đối với hoạt động sản xuất của các hộ nông nghiệp. Ảnh hưởng rõ nhất là khâu tư vấn hướng sản xuất, mua giống, cây con, phân bón, thức ăn, làm đất, chăm sóc và thu hoạch. Khi đến thời điểm gieo mạ, dẫn nước tưới về, xuống đồng cấy lúa, phun thuốc cỏ, thuốc sâu, đánh thuốc chuột, hợp tác xã

thông qua chính quyền thôn thông báo lịch sản xuất nông vụ đến người dân. Sự liên kết này rất chặt chẽ và mang tính cộng đồng cao. Khâu làm đất, cấy, gặt đang chuyển dần sang hình thức dịch vụ chuyên môn hóa, những dịch vụ này có xu hướng ưu tiên những người trong gia đình, dòng họ. Nếu người trong gia đình, dòng họ không làm thì hộ gia đình mới liên kết và thuê người bên ngoài. Điều đó cho thấy mạng lưới gia đình, dòng họ ở đây giữ một vai trò quan trọng không kém mạng lưới hợp tác xã, chính quyền trong sản xuất nông nghiệp. Lý do người dân cho biết tham gia liên kết với thành viên trong gia đình, dòng họ, họ cảm thấy an tâm và tin tưởng hơn so với việc liên kết với các mạng lưới khác. Tuy nhiên, ở Liên Bão mạng lưới liên kết trong sản xuất nông nghiệp đang ngày càng mở rộng, nhất là các hộ làm trang trại liên kết với công ty, đại lý để nhập hàng đầu vào và xuất hàng ra, hay thuê mướn lao động bên ngoài làng, thậm chí ngoài tỉnh vào những mùa vụ sản xuất nông nghiệp.

Ở Ninh Hiệp, số hộ thiên về sản xuất nông nghiệp còn rất ít do nghề truyền thống buôn vải và chế biến thuốc Bắc phát triển. Hơn nữa việc thu hồi đất nông nghiệp để phát triển khu công nghiệp làm cho sản xuất nông nghiệp suy giảm. Thông tin phỏng vấn cho thấy tổ chức chính quyền, hợp tác xã, hội nông dân, ban thú y đang có xu hướng thu hẹp phạm vi hoạt động. Các tổ chức gia đình, dòng họ gần như không còn ảnh hưởng trong các liên kết sản xuất nông nghiệp. Hộ gia đình làm nông nghiệp được phỏng vấn cho biết việc mua giống từ hợp tác xã, thủy lợi, bảo vệ nội đồng phải nhờ mạng lưới chính quyền, song nhiều khâu khác phải liên kết với người ngoài làng như cày cấy và thu hoạch. Nguyên nhân do những người trong xóm làng đều quan tâm đến buôn bán, kinh doanh, không mặn mà với việc làm nông nghiệp.

Như vậy, các phân tích cho thấy các liên kết mạng lưới trong sản xuất nông nghiệp khá đa dạng và có khác biệt giữa hai điểm nghiên cứu. Ở Ninh Hiệp, do sản xuất nông nghiệp giữ vai trò thứ yếu nên các hoạt động liên kết này của gia đình, họ hàng và làng xóm, thậm chí cả mạng lưới chính quyền, hợp tác xã và ban thú y rất yếu. Trong khi ở Liên Bão, hộ gia đình sản xuất nông nghiệp không chỉ dựa vào các mối liên kết truyền thống trong cộng đồng với mạng lưới gia đình, dòng họ, xóm làng, chính quyền mà còn mở rộng các liên kết bên ngoài làng, với hiện tượng nhóm hộ làm trang trại mở rộng hợp tác với công ty, đại lý lớn ở các tỉnh, huyện khác nhằm phát triển hướng sản xuất của hộ gia đình.

3.2. Các liên kết trong phát triển hộ chế biến, tiểu thủ công nghiệp

Hộ chế biến, tiểu thủ công nghiệp đang có xu hướng ngày càng gia tăng ở hai địa phương. Theo báo cáo của cán bộ xã, loại hình hộ sản xuất chế biến, tiểu thủ công nghiệp đang có xu hướng phát triển tại hai địa phương, nhất là Ninh Hiệp, nơi có nhóm hộ sản xuất tiểu thủ công nghiệp, chế biến chiếm hơn 1/3 tổng số các loại hình hộ sản xuất kinh doanh trên toàn xã. Để có thông tin về liên kết mạng lưới trong phát triển kinh tế của nhóm hộ này, chúng tôi đã đưa ra câu hỏi: *Trong các khâu sản xuất tiểu thủ công nghiệp/chế biến nông sản thì hộ gia đình ông/bà liên kết với ai?* Các trích dẫn từ phỏng vấn sâu dưới đây sẽ trả lời câu hỏi này ở hai xã hiện nay.

Hộp 2. Liên kết sản xuất tiểu thủ công nghiệp, chế biến ở Liên Bão và Ninh Hiệp

"Gia đình tôi thường sang Trung Quốc lấy hàng về thuê thợ tái chế lại, đi lấy như thế nó rẻ hơn so với việc mình mua lại từ những người trong làng. Mà người trong làng này họ cũng đều sang đấy lấy hàng. Hàng mình cắt sau đó cho thợ may thành phẩm rồi giao các nơi".

(Nam chủ hộ, 67 tuổi, làm cắt may, Ninh Hiệp)

"Gia đình nhà tôi chuyên làm hàng may gia công, vải mình lấy của người làng mang về cắt và may thành phẩm, sau đó vợ mình mang hàng bán bên chợ Đồng Xuân, một phần con gái bán ở chợ nhà. Hàng bán buôn là chính, khách hàng chủ yếu là khách quen từ khắp các tỉnh thành như Nghệ An, Thanh Hóa, Thái Nguyên".

(Nam chủ hộ, 51 tuổi, chủ xưởng may gia công, Ninh Hiệp)

"Tôi làm xưởng mộc cũng nhiều năm rồi, nguồn gỗ phải lấy từ nhiều nơi nhưng chủ yếu mua tại các đại lý ở làng Đồng Kỵ hoặc lên Bắc Giang. Khách hàng ký hợp đồng cũng đa dạng có người trong xã, có người tận Hà Nội về đặt. Thợ của xưởng thì cũng có một số con cháu trong nhà nhưng cũng phải thuê thợ bên ngoài về làm nữa".

(Nam chủ hộ, 56 tuổi, chủ xưởng mộc, Liên Bão)

"Bác nấu rượu nhiều năm rồi, nguyên liệu nấu gạo của nhà, thiếu phải mua ở đại lý, men cũng mua ở ngoài. Khâu nấu rượu thì mình tự làm, chồng con cũng phụ vài việc. Ra thành phẩm bán cho dân quanh đây và đi giao các quán quanh khu vực này".

(Nữ chủ hộ, 48 tuổi, nghề nấu rượu, Liên Bão)

Thông tin phỏng vấn ở Hộp 2 cho thấy rõ vai trò liên kết trong hoạt động sản xuất chế biến, tiểu thủ công nghiệp của hộ gia đình tại hai xã. Mạng lưới chính giữ vai trò quan trọng trong sản xuất chế biến, tiểu thủ công nghiệp là gia đình, người ngoài làng, đặc biệt là cả người nước ngoài. Mức độ liên kết của các hộ đối với các mạng lưới này hết sức chặt chẽ. Thông tin phỏng vấn cũng cho thấy những điểm giống và khác nhau giữa Liên Bão và Ninh Hiệp trong liên kết mạng lưới sản xuất của hộ gia đình tiểu thủ công nghiệp. Điểm giống nhau là trong hoạt động sản xuất tiểu thủ công nghiệp ở cả hai xã, vai trò của liên kết với người ngoài làng đều được đề cao và các hộ gia đình liên kết với mạng lưới này trong tất cả các khâu liên quan đến hoạt động sản xuất. Điểm khác nhau ở chỗ, do sản xuất chế biến, tiểu thủ công nghiệp ở Ninh Hiệp được trú trọng hơn nên mạng lưới liên kết trong sản xuất của các hộ gia đình ở đây mở rộng và đa dạng hơn so với Liên Bão. Mạng lưới xã hội chính thức (chính quyền, đoàn thể, hợp tác xã) ít có vai trò trong liên kết phát triển sản xuất của hộ sản xuất chế biến, tiểu thủ công nghiệp ở hai xã.

3.3. Các liên kết trong phát triển hộ kinh doanh, dịch vụ

Loại hình hộ kinh doanh, dịch vụ (hàng tạp hóa, điện máy, vải, quần áo, thời trang, vật liệu xây dựng, thực phẩm ăn uống, và dịch vụ vận tải, v.v) đang phát triển mạnh ở hai địa phương, nhất là Ninh Hiệp - một làng xã có truyền thống lâu đời về kinh doanh, buôn bán. Số hộ gia đình kinh doanh, dịch vụ chiếm gần 2/3 tổng số hộ của xã. Để có thể tìm hiểu được sự liên kết trong phát triển của các hộ gia đình kinh doanh và dịch vụ ở hai xã,

chúng tôi đưa ra câu hỏi: *Trong các khâu của hoạt động kinh doanh, dịch vụ (...) hộ gia đình ông/bà liên kết với ai?* Kết quả cho thấy những xu hướng liên kết rất khác nhau.

Hộp 3. Liên kết kinh doanh, dịch vụ ở Liên Bão và Ninh Hiệp

"Khi mở cửa hàng này tôi thiếu vốn, anh chị em hỗ trợ, mỗi người cho vay một ít để đầu tư xây cửa hàng và lấy hàng về bán. Nguồn hàng nhập từ đại lý trên thành phố, cũng có khi hàng công ty ở Hà Nội đến ký gửi. Khách hàng cũng đa dạng, trong làng ngoài xã cũng đông lắm".

(Nữ chủ hộ, 40 tuổi, kinh doanh bách hóa tổng hợp, Liên Bão)

"Khách đến mua hàng chủ yếu là người làng xã, người ngoài xã cũng có một phần. Tôi mở cửa hàng này chủ yếu để phục vụ cho nhu cầu của bà con địa phương. Mình vừa có thêm thu nhập mà bà con cũng tiện lợi hơn trong việc mua hàng, họ không phải đi ra chợ mua như trước nữa".

(Nam chủ hộ, 50 tuổi, cửa hàng vật liệu xây dựng,Liên Bão)

"Ninh Hiệp nổi tiếng với hai nghề chính là buôn quần áo, vải vóc và chế biến thuốc Bắc. Nghề truyền thống này đem lại thu nhập cao nên việc định hướng cho con cái theo nghề của gia đình cũng không có gì là lạ. Ngoài ra, anh chị em trong nhà cũng giúp nhau có việc làm bằng việc dẫn dắt một thời gian rồi tự tách ra làm ăn riêng".

(Nam chủ hộ, 63 tuổi, kinh doanh vải, Ninh Hiệp)

Cũng giống như hoạt động chế biến và tiểu thủ công nghiệp, mạng lưới chính quyền, đoàn thể và hợp tác xã không có ảnh hưởng đối với hoạt động kinh doanh, dịch vụ của các hộ gia đình ở hai địa phương. Các mối liên kết mạng lưới trong gia đình, bên ngoài làng đóng vai trò rất quan trọng đối với khâu đầu vào và đầu ra trong hoạt động kinh doanh của các hộ gia đình. Kết quả phỏng vấn cũng cho thấy mức độ liên kết trong hoạt động này ở hai xã là rất khác nhau. Ở Liên Bão, mạng lưới gia đình gồm bố mẹ, anh chị em ruột của vợ chồng đóng vai trò quan trọng trong việc giúp đỡ vốn khởi nghiệp kinh doanh của hộ gia đình. Trong khâu đầu vào liên quan đến nhập nguồn hàng, hộ gia đình chủ yếu liên kết với cá nhân, tổ chức bên ngoài làng xã (các đại lý, công ty). Còn khâu tiêu thụ hàng, liên kết của các hộ chủ yếu được thực hiện với những người dân sống trong cùng cộng đồng. Về nhân công lao động chủ yếu là các hộ tự làm, nếu có thuê mướn thì chọn anh chị em gia đình.

Trong khi đó tại Ninh Hiệp, các liên kết mạng lưới trong phát triển kinh doanh, dịch vụ được mở rộng cả về quy mô và số lượng. Các mối liên kết trong mạng lưới gia đình, nhất là bố mẹ, anh chị em ruột của vợ chồng rất mạnh, thể hiện trong khâu nhập hàng hóa đầu vào. Mạng lưới liên kết họ hàng nội ngoại có thể hiện nhưng không đóng vai trò quan trọng. Nguồn hàng đầu vào chủ yếu mà các hộ tại Ninh Hiệp nhập là ở nước ngoài, chính

vì thế mà mức độ liên kết với mạng lưới người nước ngoài ở đây rất phát triển. Các mạng lưới liên kết khác như họ hàng nội ngoại, hàng xóm người làng, bạn bè cùng hội tự nguyện, sở thích có vai trò đáng kể trong liên kết với những mạng lưới này để nhập hàng hóa. Thông tin trên cho thấy sự liên kết trong hoạt động nhập hàng đầu vào ở Ninh Hiệp không chỉ là với mạng lưới người nước ngoài mà còn có sự đa dạng liên kết với những người, những mạng lưới bên trong cộng đồng và cả mạng lưới người ngoài làng để làm phong phú và đa dạng hàng hóa của mình cung cấp cho thị trường.

Trong khâu tiêu thụ sản phẩm, hộ gia đình cũng liên kết với mạng lưới những người ngoài làng, chủ yếu người nơi khác về lấy hoặc giao cho khách ở những huyện, tỉnh khác trên cả nước. Đối với bên trong cộng đồng các hộ liên kết với hàng xóm, người làng, liên kết với bố mẹ, anh chị em ruột, họ hàng, bạn bè trong hội tự nguyện sở thích cũng đóng vai trò đáng kể.

Thuê nhân công lao động là yếu tố thể hiện một phần sự khác biệt trong quy mô kinh tế của mỗi hộ gia đình. Nếu Liên Bão có nhân công lao động chủ yếu từ gia đình, họ hàng thì Ninh Hiệp phải thuê mướn nhân công bên ngoài làng. Từ những phân tích trên ta thấy mạng lưới gia đình, dòng họ giữ vai trò quan trọng trong tất cả các khâu, hộ gia đình đều tham gia liên kết với mạng lưới này. Bên cạnh đấy, mạng lưới gia đình, dòng họ ở đây được thể hiện khá rõ nét và chặt chẽ thông qua việc giúp đỡ về kinh nghiệm buôn bán, giới thiệu điểm lấy hàng, giới thiệu khách hàng và một số trường hợp anh em chung vốn làm ăn. Ngoài mạng lưới liên kết gia đình, dòng họ thì các mạng lưới liên kết khác bên trong và ngoài cộng đồng cũng thể hiện được những vai trò của mình trong những khâu nhất định. Có một điều đặc biệt ở Ninh Hiệp là có sự liên kết với mạng lưới những người nước ngoài trong khâu nguồn hàng đầu vào.

Phân tích cho thấy mạng lưới liên kết gia đình, dòng họ vẫn giữ một vai trò nhất định trong việc giúp đỡ cho phát triển kinh tế của hộ gia đình. Mạng lưới liên kết với những người hàng xóm, trong làng trong các khâu giúp cho kinh tế của hộ phát triển hơn, đặc biệt liên kết với người nước ngoài trong hoạt động sản xuất kinh doanh đang ngày càng mở rộng. Không giống trong hoạt động sản xuất nông nghiệp, ở đây hội đoàn thể địa phương, hợp tác xã, chính quyền hầu như không giữ một vai trò gì đối với hoạt động buôn bán, kinh doanh dịch vụ của hộ gia đình.

4. Nhận xét và bàn luận

Các dẫn chứng và phân tích trên đã phác họa bức tranh toàn cảnh về loại hình mạng lưới xã hội và các liên kết trong phát triển kinh tế hộ gia đình ở nông thôn đồng bằng sông Hồng, trường hợp hai xã Liên Bão và Ninh Hiệp.

Về loại hình mạng lưới xã hội: có sự phát triển đa dạng các loại hình mạng lưới xã hội ở hai xã. Mạng lưới xã hội chính thức (Đảng, chính quyền, đoàn thể, doanh nghiệp) về cơ bản ở hai địa phương là giống nhau, nhưng số lượng doanh nghiệp ở Ninh Hiệp nhiều hơn so với Liên Bão. Mạng lưới xã hội phi chính thức (gia đình, dòng họ, hội tự nguyện, sở thích) ở hai địa phương có nhóm hội giống nhau và có nhóm hội khác nhau. Sự khác biệt này thể hiện ở loại hình, số lượng, quy mô và tính chất hoạt động của các

nhóm hội. Cả Ninh Hiệp và Liên Bão đều đang có những tổ chức tự nguyện mang tính chất của xã hội nông thôn truyền thống, tuy nhiên nhiều nhóm hội mới phản ánh nét mới của xã hội nông thôn trong bối cảnh đổi mới và hội nhập cũng đang xuất hiện ngày càng nhiều. Điều đáng quan tâm là sự xuất hiện và tồn tại của các loại hình nhóm hội tự nguyện này, cùng với tổ chức chính quyền, đoàn thể ở cơ sở đã và đang đóng vai trò quan trọng đối với sự ổn định cộng đồng nông thôn.

Về liên kết trong phát triển kinh tế hộ gia đình: các liên kết phát triển hộ sản xuất nông nghiệp dựa vào các mạng lưới chính quyền, hợp tác xã, hội nông dân, ban thú y đóng vai trò trong hoạt động sản xuất nông nghiệp, nhưng mức độ ảnh hưởng của các tổ chức này ở hai địa phương khác nhau do tính chất hoạt động sản xuất nông nghiệp của mỗi nơi. Liên Bão là xã vẫn chú trọng sản xuất nông nghiệp, các tổ chức như hợp tác xã, hội nông dân, ban thú y, bảo vệ thực vật vẫn giữ vai trò quan trọng trong các liên kết sản xuất với các hộ gia đình, trong khi các tổ chức xã hội này ở Ninh Hiệp đang giảm dần vai trò đối với hộ gia đình sản xuất nông nghiệp. Sự tham gia của gia đình, dòng họ và các tổ chức xã hội tự nguyện vào hoạt động hộ sản xuất nông nghiệp ở Liên Bão và Ninh Hiệp cũng rất khác nhau. Tại Liên Bão, các tổ chức truyền thống như gia đình, dòng họ, và các hội trong làng xóm vẫn đóng vai trò đáng kể đối với hoạt động sản xuất nông nghiệp, thể hiện trong các khâu của hoạt động sản xuất như làm đất, trao đổi giống, thu hoạch, trong khi đó ở Ninh Hiệp các tổ chức xã hội này gần như không còn đóng vai trò trong hoạt động sản xuất nông nghiệp. Ở đây, các mối liên kết mới đang được hình thành dựa trên sự phát triển của thị trường và mở rộng quan hệ hợp tác với người bên ngoài làng xã.

Kết quả cũng cho thấy những chiều cạnh của mạng lưới liên kết trong sản xuất tiểu thủ công nghiệp, kinh doanh, dịch vụ đang tồn tại ở hai xã, về phạm vi cũng như mức độ ảnh hưởng của nó tới phát triển kinh tế của các nhóm hộ gia đình. Trong mỗi hoạt động sản xuất khác nhau, vai trò của các mạng lưới liên kết cũng được thể hiện khác nhau. Ở mỗi địa phương khác nhau, ảnh hưởng của các mạng lưới liên kết xã hội đến phát triển kinh tế của hộ gia đình lại khác nhau. Có một điểm chung là ở Liên Bão và Ninh Hiệp mạng lưới gia đình giữ vai trò quan trọng trong phát triển sản xuất tiểu thủ công nghiệp, kinh doanh, dịch vụ, nhất là đối với các khâu tư vấn và hỗ trợ vốn làm ăn. Tuy nhiên, khác biệt giữa hai địa phương được thể hiện rõ trong các khâu đầu vào và đầu ra sản phẩm, thuê nhân công. Ninh Hiệp, bên cạnh mạng lưới gia đình, làng xóm, thì mạng lưới liên kết với những người ngoài làng rất quan trọng đối với các khâu nhập hàng, xuất hàng và thuê, mướn nhân công trong hoạt động sản xuất và kinh doanh của hộ gia đình.

Tóm lại, các dẫn chứng nghiên cứu đã cho thấy mức độ phát triển và sự tồn tại các loại hình liên kết ở hai xã và vai trò trong phát triển kinh tế của từng nhóm hộ. Điều này cũng cho thấy mức độ phát triển kinh tế của hai cộng đồng nông thôn trong bối cảnh chuyển đổi và hội nhập. Các mạng lưới và liên kết truyền thống đang được mở rộng và thay thế bởi các mạng lưới và liên kết mới có tính chất đa dạng hơn, vượt qua khỏi ranh giới làng xã, thậm chí vượt qua cả biên giới vùng miền, quốc gia. Liên kết mạng lưới xã hội trong phát triển kinh tế hộ gia đình cũng đặt ra nhiều khía cạnh liên quan đến khó khăn và thách thức trong liên kết, hợp tác phát triển kinh tế hộ gia đình như liên kết sản

xuất theo hướng chuyên nghiệp hóa, tính bền vững của các mối liên kết trong bối cảnh hội nhập, liên kết để tạo sự chuyển biến từ mô hình sản xuất manh mún, nhỏ lẻ của hộ gia đình sang mô hình sản xuất lớn mang tính hàng hóa để trao đổi ra thị trường, tiến đến hình thành các loại hình công ty/doanh nghiệp sản xuất ở nông thôn Việt Nam trong bối cảnh công nghiệp hóa và hội nhập quốc tế.

Tài liệu tham khảo

Bế Quỳnh Nga và cộng sự. 2008. *Vai trò của các mạng lưới xã hội trong việc tiếp cận các dịch vụ tài chính và đối phó với các rủi ro cho các hộ nông dân (Khảo sát tại xã Yên Thường, Gia Lâm, Hà Nội).* Đề tài cấp Viện Xã hội học.

Bourdieu, Pierre. 1986. The Forms of Capital. pp. 241-258 in *Handbook of Theory and Research for the Sociology of Education*, edited by J.G. Richardson. New York: Greenwood.

Bùi Quang Dũng. 2007. *Xã hội học Nông thôn*. Nxb Khoa học xã hội.

Coleman, James. 1988. "Social capital in the Creation of human capital". *American Journal of Sociology* (44).

Đào Duy Anh. 1938. *Việt Nam văn hóa sử cương*. Quan hải tùng thư xuất bản, Huế.

Feedman, Linton. 2004. *The Development of Social Network Analysis: A Study in the Sociology of Science. Empirical Press*, Vancouver.

Lin, N., W. Ensel and J. Vaughn. 1981. Social resources and strength of ties: Structural factors in occupational status attainment, *American Sociological Review*, 8/1981.

Mai Văn Hai, Ngô Thị Thanh Quý. 2011. Mạng lưới tổ chức phi chính thức ở nông thôn trong bối cảnh kinh tế thị trường hiện nay. *Tạp chí Xã hội học*, Số 4.

Marshall, Gordon. 2010. *Từ điển Xã hội học Oxford* (Bùi Thế Cường và cộng sự dịch). Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.

Nguyễn Quý Thanh. 2005. Sự giao thoa giữa vốn xã hội với các giao dịch kinh tế trong gia đình: So sánh gia đình Việt Nam và gia đình Hàn Quốc. *Tạp chí Xã hội học*, Số 2.

Putnam, Robert D. 2000. *Bowling Alone: The Collapse and Revival of American Community*. Simon & Schuster Paperbacks, New York.

Phan Đại Doãn. 2004. *Mấy vấn đề về văn hóa làng xã Việt Nam trong lịch sử*. Nxb Chính trị quốc gia.

Trần Từ. 1984. *Cơ cấu tổ chức của làng Việt cổ truyền ở Bắc Bộ*. Nxb Khoa học xã hội.

Woolcock, M. and D. Narayan. 2000. Social capital: Implications for development theory, research, and policy. *World Bank Research Observer*, Vol. 15(2): 225-249, August 2000.